

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 4- 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cù Minh Sâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Tới;

2. Ông Phạm Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu E, sinh năm: 1981; địa chỉ: Tổ 08, ấp N, xã T, huyện TB, tỉnh A;

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ 08, ấp N, xã T, huyện TB, tỉnh A.

Chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D cùng vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu E trình bày: Chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D tự quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc, đến thời gian gần đây anh D thường rượu chè, cờ bạc, đánh đập vợ con, do không thể chịu nổi, nay chị E yêu cầu ly hôn với anh D.

Trong thời gian chung sống 3 con chung Nguyễn Đức Hòa, sinh ngày

9/11/2000, Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015; Chị E yêu cầu nuôi dạy cháu Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015. Chị E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:* Thống nhất với chị Nguyễn Thị Thu E về thời gian và điều kiện tiến đến hôn nhân, anh D và chị E tự quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc, anh D thừa nhận, có lần anh nhậu về đánh chị E chảy máu, ngoài ra không có lần nào khác; Nay do còn thương vợ, nên anh D không đồng ý ly hôn với chị E.

Trong thời gian chung sống 3 con chung Nguyễn Đức Hòa, sinh ngày 9/11/2000, Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015; Chị E yêu cầu nuôi dạy cháu Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015. Anh D đề cho con tự chọn lựa sống chung với cha hay mẹ, anh không cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D là vợ chồng.

*Về con chung:* Đề con chung Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015 và Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 cho chị E nuôi dạy, không xE xét về việc cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

*Tài sản chung, nợ chung:* Không xE xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn và nguyên xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019.

*[2] Về nội dung:*

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D đồng thống nhất, chị E và anh D tự tìm hiểu, tự quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2000, không có đăng ký kết hôn, nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019; nên có cơ sở xác định chị E và anh D sống chung với nhau từ năm 2000 không có đăng ký kết hôn, từ đó hôn nhân giữa chị E và anh D không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Từ đó, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D là vợ chồng.

[2.2] Chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D đồng xác định trong thời kỳ hôn nhân có 3 con chung Nguyễn Đức Hòa, sinh ngày 9/11/2000, Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015; Chị E yêu cầu nuôi dạy cháu Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015. Anh D để cho con tự chọn lựa sống chung với cha hay mẹ, anh không cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Cháu Nguyễn Quốc Anh và Nguyễn Phi Hùng đồng có ý kiến sống chung với chị E, nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của hai cháu, để hai cháu cho chị E nuôi dạy, không xét cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

[2.3] Không xét về tài sản chung và nợ chung.

[2.4] Chị Nguyễn Thị Thu E phải chịu 300,000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Quốc D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D là vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị Thu E được tiếp tục nuôi dạy Nguyễn Phi Hùng, sinh ngày 31/5/2006 và Nguyễn Quốc Anh, sinh ngày 10/4/2015; anh Nguyễn Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Quốc D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Chị Nguyễn Thị Thu E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007737 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên; chị E đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Quốc D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Quốc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cù Minh Sâm**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Tâm**